

[illegible]

[illegible]

[illegible]

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Tổng cộng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (đồng)			Mục đích sử dụng						
					Hoạt động sự nghiệp		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
145	Bộ máy tính HP280 ProG6	Phòng học	1	1	14.750.000									
146	Máy tính Đồng Nam A	Phòng học	1	1	13.733.300									
147	Máy chiếu màn chiếu Panasonic	Phòng học	1	1	25.882.300									
148	Máy điều hòa FBA- USA 48000 BTU	Phòng làm việc	1	1	30.980.000									
149	Máy điều hòa PUNIKI18000BTU	Phòng làm việc	1	1	11.220.000									
150	Máy chủ CMS -TS341	Phòng máy chủ	1	1	23.725.000									
151	Máy chiếu + màn chiếu	Phòng học	1	1	29.150.000									
152	Máy chiếu Panasonic PT - LB386	Phòng học	1	1	16.880.000		6.752.000							
153	Bộ máy tính CPU266 Ram256	Phòng học	1	1	25.105.000									
154	Bộ máy tính HP280 ProG6	Phòng học	1	1	14.750.000									
155	Máy điều hòa FBA- USA 48000 BTU	Phòng làm việc	1	1	30.980.000									
156	Máy điều hòa lưu thông không khí	Phòng làm việc	1	1	55.250.000									
157	Máy chủ ứng dụng CMSSevies - ST543	Phòng máy chủ	1	1	29.150.000									
158	Máy chiếu + màn chiếu Optoma 2021	Phòng học	1	1	21.450.000		8.580.000							
159	Máy chiếu Panasonic PT - LB386	Phòng học	1	1	16.880.000		6.752.000							
160	Máy tính xách tay Dell Vostro 143439 năm 2016	Phòng làm việc	1	1	17.105.000									
161	Bộ máy tính HP280 ProG6	Phòng học	1	1	14.750.000									
162	Máy điều hòa FBA- USA 48000 BTU	Phòng làm việc	1	1	30.980.000									
163	Máy điều hòa lưu thông không khí	Phòng làm việc	1	1	55.250.000									
164	Swich Cisco 24 cổng T45 tốc độ	Phòng máy chủ	1	1	22.720.000									
165	Máy chiếu Casio XJ -V2	Phòng học	1	1	29.898.000									
166	Máy chiếu Panasonic PT - LB386	Phòng học	1	1	16.880.000		6.752.000							
167	Máy tính xách tay Dell Vostio	Phòng làm việc	1	1	17.105.000									
168	Máy tính để bàn cấu hình 1	Phòng học	1	1	12.501.148									
169	Máy điều hòa FBA- USA 48000 BTU	Phòng làm việc	1	1	30.980.000									
170	Máy điều hòa lưu thông không khí	Phòng làm việc	1	1	10.800.000									
171	Swich Cisco 24 cổng T45 tốc độ	Phòng máy chủ	1	1	22.720.000									
172	Máy chiếu Casio XJ -V2	Phòng học	1	1	29.898.000									
173	Máy chiếu Panasonic PT - LB386	Phòng học	1	1	16.880.000		6.752.000							
174	Máy điều hòa lưu thông không khí	Phòng làm việc	1	1	10.800.000									
175	Máy chiếu Casio XJ -V2	Phòng học	1	1	29.898.000									
176	Máy điều hòa FBA- USA 48000 BTU	Phòng làm việc	1	1	30.980.000									
177	Tai nghe phòng ngoại ngữ	Phòng học	1	1	38.745.000									
178	Máy chiếu Panasonic PT - LB386	Phòng học	1	1	16.880.000		6.752.000							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Tổng cộng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (đồng)			Mục đích sử dụng						
					Hoạt động sự nghiệp		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
179	Máy điều hòa lưu thông không khí	Phòng làm việc	1	1	10.800.000									
180	Máy chiếu Casio XJ -V2	Phòng học	1	1	29.898.000									
181	Máy điều hòa FBA- USA 48000 BTU	Phòng làm việc	1	1	30.980.000									
182	USBsoundunitCZ520B	Phòng học	1	1	50.190.000									
183	Hệ thống lọc nước RO	Phòng CTHSSV	1	1	149.565.000									
184	Máy điều hòa panasonic	Phòng làm việc	1	1	10.411.750									
185	Máy chiếu Casio XJ -V2	Phòng học	1	1	29.898.000									
186	Máy điều hòa FBA- USA 48000 BTU	Phòng làm việc	1	1	30.980.000									
187	Điều hòa tủ đứng 1 chiều Daikin 45000BTU	Phòng làm việc	1	1	49.000.000									
188	Catsette loa thùng của Mỹ	phòng học	1	1	23.363.000									
189	Máy chiếu Casio XJ -V2	Phòng học	1	1	29.898.000									
190	Máy điều hòa panasonic	Phòng làm việc	1	1	10.411.750									
191	Máy điều hòa FBA- USA 48000 BTU	Phòng làm việc	1	1	30.980.000									
192	Điều hòa tủ đứng 1 chiều Daikin 45000BTU	Phòng làm việc	1	1	49.000.000									
193	Hệ thống mạng điện	Cá đơn vị	1	1	99.000.000									
194	Màn hình và đầu lưu hình DS (năm 2020)	Phòng máy chủ	1	1	13.735.000									
195	Máy chiếu Casio XJ -V2	Phòng học	1	1	29.898.000									
196	Máy tính bảng Ipad Air (màu trắng)	Phòng làm việc	1	1	16.800.000		13.440.000							
197	Điều hòa âm trần 1 chiều 36.000 BTU	phòng TH lễ tân	1	1	71.602.250		21.650.564							
198	Máy làm lạnh nước sinh tố	phòng TH lễ tân	1	1	31.900.000									
199	Máy chiếu Casio XJ -V2	Phòng học	1	1	29.898.000									
200	Điều hòa đứng Funiki FC27MMC	phòng TH lễ tân	1	1	35.200.000		13.200.000							
201	Tủ đông Hòa phát HCF 666S1	Phòng học TH siêu thị	1	1	10.950.000									
202	Màn chiếu treo tường P70S	Phòng học	1	1	29.898.000									
203	Kết sắt nhiều ngăn KS50T4K1C1	phòng TH lễ tân	1	1	11.880.000		5.940.000							
204	Tủ lạnh Hitachi R -M700PG2600	Phòng TH bếp	1	1	45.150.000									
205	Bàn hội thảo	Phòng họp	1	1	12.980.000									
206	Tivi Samsung UA65AU7000KXXV	Phòng học	1	1	12.800.000		10.240.000							
207	Tivi Samsung UA65AU7000KXXV (4)	Phòng học	1	1	12.800.000		10.240.000							
208	Tivi Samsung UA65AU7000KXXV (7)	Phòng học	1	1	12.800.000		10.240.000							
209	Tivi Samsung UA65AU7000KXXV (3)	Phòng học	1	1	12.800.000		10.240.000							
210	Tivi Samsung 65 inch (2)	Phòng học	1	1	18.000.000		14.400.000							

[illegible]

[illegible]

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Tổng cộng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (đồng)			Mục đích sử dụng						
					Hoạt động sự nghiệp		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
300	Quạt hút khói ly tâm	Phòng TH bếp	1	1	28.750.000									
301	Thiết bị phòng cháy chữa cháy mua năm 2010 nhà học A1	Phòng QTĐS	1	1	25.350.000									
302	Trụ bóng rổ di động - S14629	Khoa KHCB	1	1	11.875.000									
303	Trụ bóng rổ di động - S14629	Khoa KHCB	1	1	11.875.000									
304	Bàn bếp chính	Phòng TH bếp	1	1	46.200.000		17.325.000							
305	Bàn ra đồ	Phòng TH bếp	1	1	16.500.000		6.187.500							
306	Vách tấm kính phụ kiện	Phòng TH bếp	1	1	26.640.900		6.659.322							
307	Bàn bếp chính	Phòng TH bếp	1	1	46.200.000		17.325.000							
308	Bàn ra đồ	Phòng TH bếp	1	1	16.500.000		6.187.500							
309	Bàn bếp chính	Phòng TH bếp	1	1	46.200.000		17.325.000							
310	Bàn ra đồ	Phòng TH bếp	1	1	16.500.000		6.187.500							
311	Bàn bếp chính	Phòng TH bếp	1	1	46.200.000		17.325.000							
312	Tủ chạn để bát	Phòng TH bếp	1	1	35.200.000		13.200.000							
313	Bàn bếp chính	Phòng TH bếp	1	1	46.200.000		17.325.000							
314	Tủ chạn để bát	Phòng TH bếp	1	1	35.200.000		13.200.000							
315	Bàn bếp chính	Phòng TH bếp	1	1	46.200.000		17.325.000							
316	Đệm lò xo	Phòng TH buồng	1	1	11.351.340		2.837.832							
317	Bàn bếp phụ	Phòng TH bếp	1	1	18.150.000		6.806.250							
318	Đệm lò xo	Phòng TH buồng	1	1	13.899.600		3.474.900							
319	Giường ngủ kích thước tiêu chuẩn	Phòng TH buồng	1	1	20.270.250		5.067.564							
320	Bàn bếp phụ	Phòng TH bếp	1	1	18.150.000		6.806.250							
321	Máy mã hóa thẻ khách sạn 6RF (TQ)	Phòng TH lễ tân	1	1	13.090.000		6.545.000							
322	Bàn bếp phụ	Phòng TH bếp	1	1	18.150.000		6.806.250							
323	Quạt hút mùi ly tâm 5,5kw	Phòng TH bếp	1	1	26.400.000		9.900.000							
324	Bàn bếp phụ	Phòng TH bếp	1	1	18.150.000		6.806.250							
325	Quầy lễ tân LT109	Phòng TH lễ tân	1	1	14.135.000		7.067.500							
326	Bàn bếp phụ	Phòng TH bếp	1	1	18.150.000		6.806.250							
327	Tủ bảo quản rượu vang, dung tích tối thiểu 34 chai	Phòng TH bar	1	1	20.350.000		7.631.250							
328	Bàn bếp phụ	Phòng TH bếp	1	1	18.150.000		6.806.250							
329	Tủ đựng dụng cụ	Phòng TH bếp	1	1	23.100.000		8.662.500							
330	Sa hình bàn đồ du lịch Việt Nam	Phòng TH lễ tân	1	1	51.900.000		19.462.500							
331	Tủ đựng dụng cụ	Phòng TH bếp	1	1	23.100.000		8.662.500							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Tổng cộng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (đồng)		Mục đích sử dụng							
					Hoạt động sự nghiệp		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
332	Bàn ra đồ	Phòng TH bếp	1	1	16.500.000									
333	Tủ mạng 27U800*1000 (phòng học NN)	Phòng máy chủ	1	1	16.355.000									
334	Bàn ra đồ	Phòng TH bếp	1	1	16.500.000									
335	Bàn bếp chính BB304	Phòng TH bếp	1	1	275.880.000		137.940.000							
336	Tu hút mùi	Phòng TH bếp	1	1	207.900.000		77.962.500							
337	Bàn ra đồ	Phòng TH bếp	1	1	16.500.000		6.187.500							
338	Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)													
342	Phần mềm ứng dụng													
343	Phần mềm điều hành hướng dẫn viên (2021)	Khoa KSDL	1	1	252.000.000									
344	Phần mềm quản lý tour (2021)	Khoa KSDL	1	1	302.000.000									
345	Phần mềm kế toán misa mimosa 2019	Khoa KTTC	1	1	10.000.000									
346	Phần mềm mô phỏng các điểm du lịch có bản đồ và thông tin chi tiết (2021)	Khoa KSDL	1	1	392.000.000									
347	Phần mềm Calalo EX -phòng học ngoại ngữ	Khoa KHCB	1	1	179.560.000		112.225.000							
348	Phần mềm quản lý tài sản 2009	Phòng ĐTKH	1	1	99.800.000									
349	Phần mềm hệ điều hành thư viện điện tử	Phòng ĐTKH	1	1	414.000.000		37.950.000							
350	Phần mềm ứng dụng quản lý khách sạn phục vụ đào tạo	Phòng ĐTKH	1	1	495.000.000									
351	Phần mềm quản lý đào tạo mua năm 2012	Phòng ĐTKH	1	1	497.900.000		124.475.000							
352	Phần mềm quản lý bán hàng (2021)	Khoa KSDL	1	1	252.000.000									
353	Phần mềm quản lý mã vạch (2021)	Khoa KSDL	1	1	32.000.000									
354	Phần mềm website của Trường	Phòng QTĐS	1	1	91.500.000		9.150.000							
355	Tài sản cố định vô hình khác													

Người lập báo cáo

Ngày tháng 01 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Tổng cộng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (đồng)		Mục đích sử dụng							
					Hoạt động sự nghiệp		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								

Đỗ Tuyên Thái

TS. Nguyễn Đức Trung